

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BỐ TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ - ST  
Ngày: 17 - 3 - 2021  
Về việc: Ly hôn và tranh chấp nuôi  
con chung.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Phú Quảng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Phan Đức Đào và bà Nguyễn Thị Thương.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Hồng Dung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch:** Không tham gia.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2020/TLST – HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2020, về việc: “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 22/02/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Trần Ngọc H, sinh năm 1996; nơi cư trú: Số nhà 460, ấp T, xã , huyện T, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25/01/2021).

- Bị đơn: chị Lưu Thị T , sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn 9, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, đã được bổ sung tại bản tự khai, anh Trần Ngọc H trình bày:

Anh và chị Lưu Thị Thanh N kết hôn với nhau vào ngày 25/10/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ chị N hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình trái ngược nhau và không có tiếng nói chung, vợ chồng đã ly thân nhau hơn 01 năm nay, mặc dù nhiều lần nín kéo nhưng vẫn không thể hòa hợp được nữa.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không hạnh phúc và không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Thiên B, sinh ngày 18/02/2019. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Phía bị đơn, chị Lưu Thị Thanh N trình bày: Quá trình tìm hiểu, kết hôn, thời gian chung sống, con chung, diễn biến tình cảm vợ chồng như anh H đã trình bày, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.... Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đồng ý giải quyết ly hôn theo yêu cầu của anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Thiên B, sinh ngày 18/02/2019. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi con chung và yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát không tham gia (Thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa có mặt chị N, riêng anh H vắng mặt tuy nhiên đã có đơn xin xét xử vắng mặt đúng quy định. Do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn Trần Ngọc Hải.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị N kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống theo các bên đương sự trình bày cuộc sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng ly thân nhau hơn 01 năm nay vì do mâu thuẫn quá lớn, âm ỉ kéo dài không thể khắc phục để dung hoà, mặc dù nhiều lần nín kéo nhưng vẫn không thể hòa hợp được nữa. Nay anh H làm đơn xin ly hôn chị N và chị N cũng đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử thấy cuộc sống vợ chồng giữa hai người không tồn tại trên thực tế, mâu thuẫn vợ

chồng đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó nghỉ cần xử cho anh H được ly hôn chị N là có căn cứ.

[2.2] Về quan hệ con cái: Vợ có 01 con chung tên là Trần Thiên B, sinh ngày 18/02/2019. Sau khi ly hôn, anh H có nguyện vọng giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) phía chị N cũng có nguyện vọng nuôi con chung và yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Hội đồng xét xử thấy, hiện nay con chung của hai người đang còn nhỏ, sự chăm sóc của người phụ nữ là cần thiết và nguyện vọng của các bên cũng trùng hợp nhau, nên cần giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 04/2021 là đúng quy định.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung.

[3] Về án phí vụ kiện: Anh H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 39; Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Ngọc được ly hôn chị Lưu Thị Thanh N.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thiên B, sinh ngày 18/02/2019 cho chị Lưu Thị Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành. Anh Trần Ngọc H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 04/2021 cho đến khi con trưởng thành. Sau khi ly hôn anh Trần Ngọc H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này, khi cần thiết một trong các bên đương sự cũng có quyền yêu cầu Tòa án xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng anh Hải, chị N không có tài sản chung.

4. *Về án phí:* Anh Trần Ngọc H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình và phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trách theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2020/0000535 ngày 11/12/2020, anh H phải nộp tiếp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAQB;
- VKSND huyện BT;
- Chi cục THADSBT;
- UBND xã Tân Hiệp B  
(số 108/25 10 – 2008);
- Lưu HSVA; Lưu AV;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phú Quảng**























